

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10 tháng 6 năm 2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979. Nơi cư trú: khóm B, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Bích Đ, sinh năm 1978. Nơi cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Bích Đ quen biết và tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bắt đầu quan điểm sống, không có biện pháp khắc phục. Do mâu thuẫn trầm trọng và hôn nhân của ông bà không hợp pháp nên ông C yêu cầu không công nhận ông và bà Đ là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà Đ có 01 (một) con chung tên Nguyễn Phước S, sinh năm 1996 đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà Lê Thị Bích Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất lời trình bày của ông C về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như ông C trình bày. Do mâu thuẫn trầm trọng, xảy ra trong thời gian dài và hôn nhân của ông bà không hợp pháp nên bà đồng ý yêu cầu của ông C yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông C là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông C có 01 (một) con chung tên Nguyễn Phước S, sinh năm 1996 đã thành niên và có khả năng lao động đúng như ông C trình bày.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông C yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà Đ là vợ chồng. Bà Đ có địa chỉ thường trú tại khóm Đ, phường M, thành phố Long Xuyên, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Vụ án có tính chất đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự thống nhất về việc giải quyết vụ án. Tài liệu chứng cứ có căn cứ cho việc giải quyết vụ án, Tòa án không thực hiện thu thập tài liệu, chứng cứ bổ sung, nên Tòa án giải quyết theo thủ tục rút gọn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Bích Đ tự nguyện sống chung từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn trầm trọng, xảy ra trong thời gian dài và hôn nhân của ông bà không hợp pháp nên ông C và bà Đ đều thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng. Xét thấy, ông C và bà Đ sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình về việc đăng ký kết hôn và giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-KSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Tư pháp không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà Đ là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Phước S, sinh năm 1996 đã thành niên và có khả năng lao động.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án quyết.

[3]. Về án phí: Ông C chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 317; Điều 320; khoản 1, 2 Điều 322 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Bích Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Phước S, sinh năm 1996 đã thành niên và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà Đ thống nhất về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002154, ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông Nguyễn Văn C đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa